TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHỦ LÝ** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2019/HNGĐ - ST.
Ngày 27 - 5 - 2019.
V/v tranh chấp: "Kiện xin ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ - HÀ NAM.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Chí Trung và bà Đoàn Thị Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Ngân - là thư ký tòa án thành phố Phủ lý, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý tham gia phiên tòa: Ông Phạm Sỹ Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2019 về việc "Kiện xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2019/QĐST- HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Anh Vũ Văn M, sinh năm 1986.

*** Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1990.

Cùng địa chỉ: Thôn 3, xã ĐX, thành phố PL, tỉnh Hà Nam.

Tại phiên toà có mặt anh M, chị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, biên bản tự khai và hòa giải tại tòa nguyên đơn anh Vũ Văn M trình bày:

- Về hôn nhân: Anh Vũ Văn M và chị Nguyễn Thị T kết hôn vào ngày 24/9/2009 tại Ủy ban nhân dân xã ĐX, huyện Bình Lục (nay là thành phố Phủ Lý), tỉnh Hà Nam, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc vì cả hai không hợp nhau về tính cách, quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, chửi nhau. Nhiều khi chị T còn chửi bới xúc phạm đến gia đình nhà chồng. Cuộc sống căng thẳng kéo dài không thể giải tỏa được nên từ tháng 7/2018 đến nay vợ chồng đã sống ly thân. Anh đã cân nhắc suy nghĩ rất nhiều và nhận thấy không còn tình cảm với chị T và không thể chung sống với nhau được. Nay anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T

- Về con chung: Anh M xác định vợ chồng có 03 con chung là các cháu: Vũ Thị Huyền Tr, sinh ngày 09/4/2010; cháu Vũ Hà V, sinh ngày 15/9/2011; cháu Vũ Mạnh H, sinh ngày 02/01/2015. Khi vợ chồng ly hôn anh M có nguyện vọng nuôi dưỡng, chăm sóc 02 cháu bé là Vũ Hà V, Vũ Mạnh H và để chị T được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Vũ Thị Huyền Tr. Anh M không yêu cầu chị T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

- Về tài sản chung: Anh M không đề nghị tòa án giải quyết.

- Về công nợ chung: Anh M không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Ngày, tháng, địa điểm, điều kiện kết hôn chị T công nhận lời khai của anh M là đúng. Trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, anh M nhiều lần uống rượu say chửi bới, đánh đập và đuổi chị T ra khỏi nhà. Chị T cũng đã khuyên nhủ và tạo cho anh M nhiều cơ hội để thay đổi tính cách nhưng sự việc vẫn tiếp diễn. Do cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên chị và anh M đã sống ly thân từ tháng 9/2018 đến nay và không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay anh M đề nghị tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của anh M.

Về con chung: Chị T công nhận vợ chồng có 03 con chung có tên, tuổi như anh M khai là đúng.

Khi ly hôn chị T có nguyện vọng được chăm sóc nuôi dưỡng cả ba con chung và yêu cầu anh M đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị là 3.000.000 đồng/tháng cho cả ba cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản và công nợ chung: Vợ chồng không có gì chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Nguyện vọng của các cháu Vũ Thị Huyền Tr và Vũ Hà V đều muốn được ở với chị T với lý do là muốn được mẹ chăm sóc, còn bố hay đánh, hay mắng nên rất sợ bố.

Tại phiên toà sơ thẩm hôm nay:

Anh M vẫn đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T. Về phần con chung anh M đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được nuôi cả ba con chung và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con cùng anh. Anh M không đề nghị Tòa án giải quyết về phần tài sản, công nợ chung của vợ chồng.

Chị T nhất trí ly hôn; về con chung: Chị T có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc cả ba con chung của vợ chồng và yêu cầu anh M đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị là 3.000.000 đồng/tháng cho cả ba cháu.

Về tài sản, công nợ chung: Chị xác định vợ chồng không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án dân sự:

- Việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các Điều 28; 35; 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Xác định đúng quan hệ tranh chấp, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định của pháp luật, tuân thủ đúng thời hạn chuẩn bị xét xử, việc gửi các quyết định cho Viện Kiểm sát đúng quy định. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình đúng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Các Điều 28; 35; 39; 68; 144; 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Các Điều 51; 54; 55; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015 của Quốc hội khóa XIII thông qua ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Vũ Văn M và chị Nguyễn Thị T.

Về con chung: Giao anh Vũ Văn M trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung của vợ chồng là cháu Vũ Thị Huyền Tr, sinh ngày 09/4/2010; giao chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung của vợ chồng là cháu Vũ Hà V, sinh ngày 15/9/2011 và cháu Vũ Mạnh H, sinh ngày 02/01/2015 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh M, chị T phải nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Bị đơn chị Nguyễn Thị T có hộ khẩu thường trú và đang cư trú tại thôn 3, xã ĐX, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án kiện xin ly hôn giữa anh Vũ Văn M và chị Nguyễn Thị T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa anh Vũ Văn M và chị Nguyễn Thị T là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐX, huyện Bình Lục (nay là thành phố Phủ Lý), tỉnh Hà Nam ngày 24 tháng 09 năm 2009 đảm bảo trình tự, thủ tục kết hôn được Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 bảo vệ.

[3] Về hôn nhân: Tại các bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay anh M, chị T đều nhận thấy cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng không còn tình cảm dành cho nhau. Đã từ lâu anh M, chị T không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Đến nay, cả hai đều nhận thấy không thể kéo dài tình trạng hôn nhân do mục đích hôn nhân không đạt được. Anh Vũ Văn M và chị Nguyễn Thị T đều đề nghị giải quyết cho vợ chồng được ly hôn. Do vậy Hội đồng xét xử cần áp dụng điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Vũ Văn M và chị Nguyễn Thị T.

[4] Về con chung: Vợ chồng thống nhất có 03 con chung là các cháu Vũ Thị Huyền Tr (con gái), sinh ngày 09/4/2010; cháu Vũ Hà V, sinh ngày 15/9/2011; cháu Vũ Mạnh H, sinh ngày 02/01/2015. Khi ly hôn cả anh M và chị T đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng và chăm sóc cả ba con chung, anh M không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung, chị T yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị là 3.000.000 đồng/tháng cho cả ba cháu cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử thấy: Đây là nguyện vọng chính đáng của cả anh M và chị T, tuy nhiên cả hai cháu Vũ Hà V và cháu Vũ Mạnh H đều còn nhỏ cần sự quan tâm chăm sóc của mẹ nên cần giao cả hai cháu Vũ Hà V và Vũ Mạnh

H cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng. Còn cháu Vũ Thị Huyền Tr cũng đã lớn nên giao anh Vũ Văn M nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Cả anh M và chị T đều lao động tự do, đều có nguồn thu nhập, đều có nguyện vọng và khả năng nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Do vậy khi giao cháu Tr cho anh M nuôi dưỡng, giao cháu V và cháu H cho chị T nuôi dưỡng thì không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

[5] Về tài sản và công nợ: Vợ chồng không có gì chung, không đề nghị tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí ly hôn sơ thẩm: anh M, chị T phải nộp theo quy định pháp luật.

[7] Quyền kháng cáo: các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; Điều 143; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào các Điều 51; 54; 55; 58; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội.

- Căn cứ Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Vũ Văn M và chị Nguyễn Thị T.

2/ Về con chung: Giao anh Vũ Văn M được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là cháu Vũ Thị Huyền Tr, sinh ngày 09/4/2010 cho đến khi cháu Tr đủ 18 tuổi lao động tự lập được. Giao chị Nguyễn Thị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai con chung là cháu Vũ Hà V, sinh ngày 15/9/2011 và cháu Vũ Mạnh H, sinh ngày 02/01/2015 cho đến khi cả hai con chung đủ 18 tuổi lao động tự lập được.

Anh M và chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

3/ Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh M và chị T mỗi người phải nộp 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng). Anh M được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2015/0001992 ngày 18/01/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý. Anh M được nhận lại 150.000đ.

Án xử công khai sơ thẩm, anh M, chị T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền Tả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6; 7; 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- Chi cục THA dân sự TP Phủ Lý;
- UBND xã ĐX, TP Phủ Lý;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Xuyên